

CỤC THUẾ
THUẾ TỈNH NINH BÌNH

Số: 3208 /NBI-QLDN1
V/v hoàn thuế GTGT của khoản nợ
phải trả chuyển thành vốn góp và thuế
suất hàng mẫu không thu tiền

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Bình, ngày 08 tháng 10 năm 2025

Kính gửi: Công ty TNHH DAEDEOK I.M.T.

Mã số thuế: 2700908792.

Địa chỉ trụ sở: Lô CN12B, Cụm CN Gia Vân, xã Gia Vân,
tỉnh Ninh Bình.

Thuế tỉnh Ninh Bình nhận được văn bản số CV01/2025-DD ngày 10/9/2025 của Công ty TNHH DAEDEOK I.M.T (sau đây gọi tắt là Công ty) về việc hoàn thuế GTGT của khoản nợ phải trả chuyển thành vốn góp và thuế suất hàng mẫu không thu tiền. Về vấn đề này, Thuế tỉnh Ninh Bình có ý kiến như sau:

1. Về hoàn thuế giá trị gia tăng dự án đầu tư.

Căn cứ khoản 2 Điều 24; Điều 18; Điều 23; Điều 25; Điều 26; Điều 27; Điều 30; Điều 37 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định về:

“Điều 24. Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đối với một số trường hợp đặc thù

2. Đối với trường hợp góp vốn bằng tài sản trong đó tài sản góp vốn là tài sản mới mua, chưa sử dụng, có hóa đơn hợp pháp được hội đồng giao nhận vốn góp chấp nhận thì trị giá vốn góp được xác định theo trị giá ghi trên hóa đơn bao gồm cả thuế giá trị gia tăng. Bên nhận vốn góp được khấu trừ thuế giá trị gia tăng ghi trên hóa đơn mua tài sản của bên góp vốn”.

“Điều 25. Hóa đơn, chứng từ nộp thuế

Cơ sở kinh doanh phải có hóa đơn giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng ở khâu nhập khẩu hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng thay cho phía nước ngoài theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 14 Luật Thuế giá trị gia tăng (bao gồm cả chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng theo tỷ lệ % nhân với doanh thu thay cho phía nước ngoài)”.

“Điều 26. Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt

Cơ sở kinh doanh phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào (bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu) từ 05 triệu đồng trở lên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng. Trong đó:

1. Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt là chứng từ chứng minh việc thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt, trừ các chứng từ bên mua nộp tiền mặt vào tài khoản của bên bán

...

2. Một số trường hợp đặc thù theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Luật Thuế giá trị gia tăng bao gồm:

b) Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào theo phương thức bù trừ công nợ như vay, mượn tiền; cân trừ công nợ qua bên thứ ba mà phương thức thanh toán này được quy định cụ thể trong hợp đồng thì phải có hợp đồng vay, mượn tiền dưới hình thức văn bản được lập trước đó và có chứng từ chuyển tiền từ tài khoản của bên cho vay, cho mượn sang tài khoản của bên đi vay, đi mượn đối với khoản vay, mượn bằng tiền bao gồm cả trường hợp bù trừ giữa giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào với khoản tiền mà bên bán hỗ trợ cho bên mua, hoặc nhờ bên mua chi hộ.

...”

“Điều 30. Hoàn thuế đối với dự án đầu tư

1. Cơ sở kinh doanh đã đăng ký nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế có dự án đầu tư (dự án đầu tư mới, dự án đầu tư mở rộng) theo quy định của pháp luật về đầu tư (bao gồm cả dự án đầu tư được chia thành nhiều giai đoạn đầu tư hoặc nhiều hạng mục đầu tư, trừ trường hợp dự án đầu tư không hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp) đang trong giai đoạn đầu tư hoặc dự án tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư có số thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh trong giai đoạn đầu tư mà chưa được hoàn thuế thì cơ sở kinh doanh thực hiện bù trừ với số thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động sản xuất, kinh doanh đang thực hiện (nếu có).

...”

“Điều 37. Điều kiện hoàn thuế giá trị gia tăng

Cơ sở kinh doanh thuộc trường hợp hoàn thuế quy định tại Mục này phải đáp ứng điều kiện sau đây:

1. Cơ sở kinh doanh thuộc trường hợp được hoàn thuế theo quy định tại các Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32 Nghị định này phải là cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế, lập và lưu giữ sổ kế toán, chứng từ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán; có tài khoản tiền gửi tại ngân hàng theo mã số thuế của cơ sở kinh doanh.

...”

Do nội dung hỏi của Công ty chưa cụ thể và Công ty không cung cấp hồ sơ chứng minh nên cơ quan thuế đề nghị Công ty căn cứ các quy định pháp luật nêu trên và các quy định liên quan để thực hiện.

2. Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa xuất khẩu.

- Căn cứ khoản điểm a, khoản 2, Điều 6; Điều 17; Điều 18; Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định về:

“Điều 6. Giá tính thuế đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho và hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại

2. Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại theo quy định của pháp luật về thương mại, giá tính thuế được xác định bằng không (0), trừ trường hợp bán hàng, cung cấp dịch vụ với giá thấp hơn giá bán hàng, cung cấp dịch vụ trước đó, được áp dụng trong thời gian khuyến mại (khuyến mại bằng hình thức giảm giá) thì giá tính thuế là giá bán đã giảm áp dụng trong thời gian khuyến mại đã đăng ký hoặc thông báo theo quy định của pháp luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại. Các hình thức khuyến mại của hàng hóa, dịch vụ khuyến mại có giá tính thuế bằng không (0) hoặc giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ bán ra không bao gồm giá trị của hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, cụ thể như sau:

a) Đưa hàng mẫu, cung cấp dịch vụ mẫu để khách hàng dùng thử không phải trả tiền thì hàng mẫu, dịch vụ mẫu có giá tính thuế bằng không (0).

... ”

“Điều 17. Mức thuế suất 0%

Mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Thuế giá trị gia tăng. Trong đó:

1. Hàng hóa xuất khẩu bao gồm:

a) Hàng hóa từ Việt Nam bán cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam.

... ”

“Điều 18. Điều kiện áp dụng thuế suất 0%

Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu áp dụng thuế suất 0% quy định tại Điều 17 Nghị định này (trừ một số trường hợp đặc thù quy định tại Điều 27, Điều 28 Nghị định này) phải đáp ứng quy định sau:

1. Đối với hàng hóa xuất khẩu, phải có:

a) Hợp đồng bán, gia công hàng hóa xuất khẩu (đối với trường hợp bán, gia công); hợp đồng ủy thác xuất khẩu (đối với trường hợp ủy thác xuất khẩu).

b) Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa xuất khẩu.

c) Tờ khai hải quan theo quy định.

... ”

- Căn cứ Điều 8 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ:

“Điều 8. Đưa hàng mẫu, cung ứng dịch vụ mẫu để khách hàng dùng thử không phải trả tiền

1. Hàng mẫu đưa cho khách hàng, dịch vụ mẫu cung ứng cho khách hàng dùng thử phải là hàng hóa, dịch vụ được kinh doanh hợp pháp mà thương nhân đang hoặc sẽ bán, cung ứng trên thị trường.

... ”

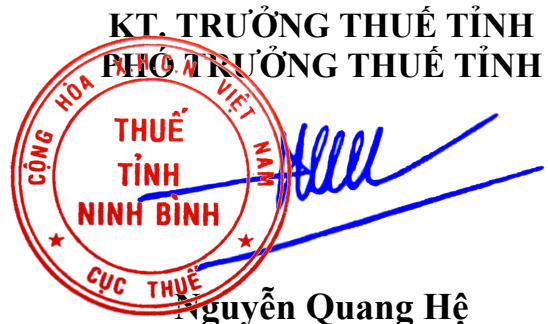
Căn cứ quy định trên, trường hợp Công ty xuất khẩu hàng mẫu ra nước ngoài nếu đáp ứng điều kiện về hàng hóa xuất khẩu và quy định tại Điều 8 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ (nêu trên) thì hàng mẫu thuộc đối tượng chịu thuế GTGT với thuế suất 0% theo quy định.

Thuế tỉnh Ninh Bình đề nghị Công ty căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật thuế đã trích dẫn nêu trên và thực tế phát sinh tại Công ty để thực hiện theo quy định của pháp luật.

Thuế tỉnh Ninh Bình trả lời đề Công ty biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trưởng Thuế tỉnh (để báo cáo);
- Phòng: KTr1; NVDTTC;
- Website Thuế tỉnh Ninh Bình;
- Lưu: VT, QLDN1 (nttman 3b).



Nguyễn Quang Hệ